

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU
NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Thực hiện Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5;

Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ (sau đây gọi tắt là Nghị định). Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/8/2024, các quy định trước đây về việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (chuyên dùng Chính phủ) trái với Nghị định này đều bãi bỏ. Sau đây là một số nội dung cơ bản của Nghị định:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Về cơ sở chính trị

Cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số là xu thế tất yếu, khách quan đang diễn ra rất mạnh mẽ, sâu rộng trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Chuyển đổi số góp phần giảm thủ tục hành chính và giúp chính quyền các cấp nâng cao năng lực quản lý, điều hành hiệu quả. Thời gian qua, Đảng, Nhà nước rất coi trọng và xem chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; việc chuyển đổi số, được xác định là nội dung quan trọng trong các mục tiêu, quan điểm phát triển và đột phá chiến lược của đất nước. Nhiều Nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, trong đó giao Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước, phát triển, cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (chuyên dùng Chính phủ).

Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045, xác định mục tiêu đến năm 2025, bảo đảm cán bộ, công chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ và mục tiêu đến năm 2030, phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tiên tiến, hiện đại.

Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 11/8/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị giao Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa

phương nghiên cứu phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hiện đại, đồng bộ, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phối hợp với các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia trong việc giám sát an toàn thông tin mạng, giải pháp phòng chống mã độc, kết hợp giải pháp bảo mật, an toàn thông tin dùng mật mã, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

2. Cơ sở pháp lý

Ngày 22/6/2023, tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật Giao dịch điện tử; trong đó Điều 50 và Điều 24 quy định:

"Điều 50. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giao dịch điện tử

- 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giao dịch điện tử.*
- 2. Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử.*
- 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.*
- 4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật."*

Điều 24. Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ

- 1. Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ là dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động công vụ.*
- 2. Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ được quản lý, cung cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật về cơ yếu.*
- 3. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện các hoạt động sau đây:*
 - a) Phát hành chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ để xác nhận và duy trì trạng thái hiệu lực chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ của chủ thể ký thông điệp dữ liệu;*
 - b) Thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ;*

c) Kiểm tra hiệu lực chữ ký số chuyên dùng công vụ và duy trì trạng thái hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; không sử dụng rào cản kỹ thuật, công nghệ để hạn chế việc kiểm tra hiệu lực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

d) Cung cấp thông tin cần thiết để chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

đ) Liên thông với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia để bảo đảm cho việc kiểm tra hiệu lực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

e) Cấp dấu thời gian trong hoạt động công vụ.

4. Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, chữ ký số chuyên dùng công vụ phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật đối với chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này."

3. Cơ sở thực tiễn

Từ năm 2007 đến nay, Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý, triển khai hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp về cơ cấu tổ chức; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; thiết lập, vận hành, phát triển hạ tầng kỹ thuật; nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ; bảo đảm cung cấp dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật và kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trên phạm vi toàn quốc.

Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tham mưu với Chính phủ thành lập Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ; xây dựng trình cấp có thẩm quyền và ban hành theo thẩm quyền 19 văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý về chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; hạ tầng kỹ thuật được thiết lập đồng bộ, hiện đại, được kiểm soát chặt chẽ, làm chủ mật mã đảm bảo an toàn một cách nghiêm ngặt đáp ứng các yêu cầu cao về an toàn và bảo mật thông tin; bảo đảm cung cấp kịp thời đáp ứng 100% yêu cầu của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội với trên 1.000.000 chứng thư chữ ký số cấp mới; gia hạn gần 30.000 chứng thư số, thay đổi thông tin trên 40.200 chứng thư số, thu hồi 59.632 chứng thư số; bảo đảm, cung cấp gần 100.000 bộ sản phẩm ký số trên thiết bị di động SIM PKI. Trong đó, đối với cơ quan cấp Bộ và tương đương đã cấp 100% cho tổ chức, 95% cho lãnh đạo; đối với cấp cục, sở và tương đương đã cấp đạt 98% cho tổ chức, 96% cho lãnh đạo; đối với cấp xã phường và tương đương đã cấp được 98% cho tổ chức, 62% cho lãnh đạo; tổ chức kiểm tra, đánh giá tại 60 đầu mối (gồm 12 cơ quan Bộ, ngành ở Trung ương và 48 địa phương).

Chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị ứng dụng hiệu quả trong thực tế, tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai, minh bạch, góp phần tích cực trong cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ còn nảy sinh một số vấn đề bất cập, một số yêu cầu mới từ thực tiễn chưa quy định tại văn bản, nổi lên là:

- Nghị định số 130/2018/NĐ-CP đã quy định về trình tự, thủ tục cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật; trong khi mẫu biểu, hồ sơ thực hiện được quy định tại Thông tư số 185/2019/TT-BQP, dẫn đến công tác triển khai còn khó khăn, thiếu đồng bộ.

- Việc phân cấp, phân quyền trong hoạt động cung cấp, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cần được quan tâm, đẩy mạnh, nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu về sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị.

- Một số mô hình, công nghệ ký số mới chưa được thể chế hóa kịp thời.

- Quy trình cung cấp dịch vụ cần tiếp tục rà soát đơn giản hóa tối đa, tạo thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

Từ các yếu tố phân tích nêu trên, việc xây dựng, ban hành Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở kế thừa các quy định về chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ còn phù hợp, được triển khai thực hiện ổn định, hiệu quả trong thực tiễn; đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định mới nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập và thay thế Nghị định số 130/2018/NĐ-CP (Chương VII), Thông tư số 185/2019/TT-BQP là cần thiết. Nghị định được ban hành sẽ tạo cơ sở pháp lý thống nhất, thuận lợi để quản lý, cung cấp, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cơ yếu; góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về giao dịch điện tử; bảo đảm xác thực, an toàn thông tin trong việc ứng dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho hoạt động cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị, đảm bảo tính khả thi và phù hợp, bao quát được thực tiễn, cũng như tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đảm bảo cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ.

2. Quan điểm xây dựng

- Thể chế đầy đủ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng ngành Cơ yếu Việt Nam cách mạng, chính quy, tiến thẳng lên hiện đại.

- Bảo đảm tính kế thừa, phát triển những quy định của pháp luật hiện hành về chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đã được thực tiễn kiểm nghiệm còn phù hợp; đồng thời, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung những vấn đề mới để đáp ứng yêu cầu về cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

- Đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để đơn giản hóa thủ tục hành chính về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ bảo đảm công khai, minh bạch, khả thi và hiệu quả trong việc thực hiện các quy định của pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai xây dựng Nghị định theo đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Thành lập Ban Soạn thảo Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ do đồng chí Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ là Trưởng ban soạn thảo, thành viên gồm có cơ quan chức năng thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ; các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông; Cục Cơ yếu các bộ, ngành và các cơ quan, đơn vị thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Tổ chức rà soát, nghiên cứu, soạn thảo, hội thảo lấy ý kiến thành viên Ban Soạn thảo, các chuyên gia, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng và gửi văn bản lấy ý kiến các bộ, ban, ngành, địa phương trên toàn quốc đối với hồ sơ dự thảo Nghị định. Dự thảo Nghị định nhận được sự quan tâm rất lớn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đã có 125 văn bản tham gia góp ý, trong đó 50% ý nhất trí hoàn toàn với dự thảo Nghị định, 50% ý kiến nhất trí với bố cục, sự cần thiết ban hành và có ý kiến góp ý. Đối với các ý kiến tham gia, trên tinh thần cầu thị, từng vấn đề đều được xem xét dưới các góc độ đa chiều, Ban Cơ yếu Chính phủ (Cơ quan chủ trì soạn thảo) đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu tối đa và giải trình đầy đủ những vấn đề còn có ý kiến khác nhau của các bộ, ngành, địa phương đảm bảo phù hợp với Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Dự thảo Nghị định được 26/26 Thành viên Chính phủ biểu quyết với 25/26 phiếu đồng ý và 01 Phiếu chưa đánh dấu. Trong đó, 22/26 phiếu đồng ý hoàn toàn (có phiếu của Thủ tướng Chính phủ, 04 Phó Thủ tướng Chính phủ); 04/26 phiếu có ý kiến khác. Ban Cơ yếu Chính phủ đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến các Thành viên Chính phủ và hoàn thiện dự thảo Nghị định, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Chính phủ ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

Nghị định gồm 06 Chương, 43 Điều và Phụ lục. Trong đó:

- Chương I: Quy định chung, gồm 05 Điều (từ Điều 1 đến Điều 5) quy định về: Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực, thiết bị lưu khóa bí mật; Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực, thiết bị lưu khóa bí mật trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao.

- Chương II: Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, gồm 17 Điều (từ Điều 6 đến Điều 22) quy định về: Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nội dung chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Tạo và phân phối các cặp khóa; Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Điều kiện cấp mới chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Điều kiện gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Hồ sơ, trình tự, thủ tục gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Điều kiện thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Các trường hợp thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Hồ sơ, trình tự, thủ tục thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Các trường hợp thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Thẩm quyền đề nghị thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ hết hạn sử dụng hoặc chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ bị thu hồi; Cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ sau khi chứng thư chữ ký số cũ hết hạn hoặc chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ bị thu hồi; Khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật do thuê bao quản lý.

- Chương III: Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu và thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử gồm 02 Mục, 06 Điều (từ Điều 23 đến Điều 28), trong đó Mục 1 quy định về cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu có gắn chip điện tử gồm 03 Điều từ (Điều 23 đến Điều 25):

Thời hạn hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu có gắn chip điện tử; Đăng ký, gửi, nhận yêu cầu chứng thực; Trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu có gắn chip điện tử. Mục 2 quy định về cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra thẻ căn cước gồm 03 Điều (từ Điều 26 đến Điều 28): Thời hạn hiệu lực của chứng thư chữ ký số phục vụ phát hành, kiểm tra thẻ căn cước có gắn chip điện tử; Gửi, nhận yêu cầu chứng thực; Trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng thư chữ ký số phục vụ phát hành, kiểm tra thẻ căn cước có gắn chip điện tử.

- Chương IV: Sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, gồm 05 Điều (từ Điều 29 đến Điều 33), quy định về: Quy trình tạo chữ ký số chuyên dùng công vụ; Quy trình kiểm tra chữ ký số chuyên dùng công vụ; Quy trình kiểm tra hiệu lực chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; Kiểm tra hiệu lực đường dẫn chứng thực; Yêu cầu kỹ thuật và chức năng đối với phần mềm ký số, kiểm tra chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Chương V: Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân, gồm 06 Điều (từ Điều 34 đến Điều 39), quy định về: Trách nhiệm triển khai, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp; Trách nhiệm của các tổ chức Cơ yếu trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao; Trách nhiệm của Thuê bao.

- Chương VI: Điều khoản thi hành, gồm 04 Điều (từ Điều 40 đến Điều 43), quy định về: Sửa đổi, thay thế một số Điều của các Nghị định có liên quan; Hiệu lực thi hành; Quy định chuyển tiếp và Trách nhiệm thi hành.

- Phụ lục: gồm 09 mẫu biểu nghiệp vụ.

V. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH

Trên quan điểm kế thừa nội dung của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP (Chương VII) và tích hợp những nội dung của Thông tư số 185/2019/TT-BQP đã được thực tiễn kiểm nghiệm còn phù hợp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Nghị định có một số nội dung mới cơ bản như sau:

1. Tên gọi của Nghị định: “Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ”

Trong đó, cụm từ “chữ ký số chuyên dùng Chính phủ” sử dụng tại Nghị định 130/2018/NĐ-CP được thay bằng cụm từ “chữ ký số chuyên dùng công vụ”, khẳng định vị trí, tính chất, đặc điểm và phạm vi, quy mô áp dụng của dịch vụ chứng thực

chữ ký số chuyên dùng công vụ; đồng thời bảo đảm phù hợp với trách nhiệm quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 24, Điều 50 Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

Khoản 1 Điều 24 Luật Giao dịch điện tử quy định: “Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ là dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động công vụ”.

Theo đó, hoạt động công vụ là hoạt động được tiến hành trên cơ sở pháp luật nhằm thực hiện các chức năng của Nhà nước vì lợi ích chung của toàn thể dân tộc, lợi ích xã hội và những lợi ích chính đáng của các tổ chức và cá nhân. Hoạt động công vụ có tính tổ chức cao, kỷ cương nghiêm khắc, bắt buộc chủ thể thực hiện những nhiệm vụ được giao phải đảm bảo chính xác, công bằng và được tiến hành thường xuyên, liên tục theo trật tự do pháp luật quy định trên cơ sở sử dụng quyền lực nhà nước và được bảo đảm bằng quyền lực nhà nước. Mọi hoạt động nhằm thi hành công vụ phải được tiến hành trên cơ sở tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và đòi hỏi tuân thủ Hiến pháp, pháp luật đặt ra cao hơn đối với người dân và các hoạt động mang tính chất dân sự khác.

Chữ ký số chuyên dùng công vụ trên các giao dịch điện tử có giá trị pháp lý tương đương chữ ký tay và con dấu của cơ quan, tổ chức trên văn bản giấy. Chính vì vậy, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cần được quản lý chặt chẽ, thống nhất và đồng bộ; hạ tầng cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phải được làm chủ mật mã đảm bảo an toàn một cách nghiêm ngặt đáp ứng các yêu cầu cao về an toàn và bảo mật thông tin.

2. Quy định cụ thể hơn phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng đảm bảo phù hợp với Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và thực tiễn hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ tại Việt Nam.

Tại thời điểm Nghị định số 130/2018/NĐ-CP được ban hành (năm 2018), do nhiều yếu tố khác nhau nên một số cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị chưa được quy định trong phạm vi, đối tượng áp dụng dẫn đến tình trạng bất cập, thiếu thống nhất trong việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ. Các đối tượng tham gia hoạt động phục vụ lợi ích công không đảm bảo điều kiện cấp chứng thư chữ ký số sẽ không được cung cấp dịch vụ để sử dụng. Điều này dẫn đến các cơ quan, đơn vị lúng túng trong triển khai thực hiện, thậm chí nhiều đơn vị sử dụng chữ ký số công cộng trên các giao dịch điện tử của cơ quan Đảng, Nhà nước. Để khắc phục tình trạng trên, tại Nghị định số 68/2024/NĐ-CP quy định:

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức thuộc các cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong lực lượng vũ trang nhân dân và người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ."

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, có ý kiến cho rằng cần loại bỏ đối tượng “đơn vị sự nghiệp công lập” và “viên chức” khỏi đối tượng áp dụng. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo thấy rằng, đối tượng áp dụng "đơn vị sự nghiệp công lập" và "viên chức" trong dự thảo Nghị định hiện nay là phù hợp với một số lý do như sau: (i) Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 11/8/2020 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam xác định rõ, đảm bảo cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; (ii) đây không phải là nhiệm vụ mới, không mở rộng phạm vi đối tượng so với quy định hiện hành là Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, Đề án 06 (cá nhân áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ là cán bộ, công chức, viên chức) và thực tiễn triển khai tại Việt Nam, Ban Cơ yếu Chính phủ đã cung cấp trên 500.000 chứng thư chữ ký số cho đơn vị sự nghiệp công lập, viên chức; hoạt động cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đã và đang được thực hiện an toàn, ổn định, không phát sinh khó khăn, vướng mắc thời gian qua; (iii) Điều 9 Luật Viên chức quy định "Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước".

3. Thay đổi tên gọi một số thuật ngữ, nổi lên trong số đó là thuật ngữ "Chứng thư số" được thay thế bằng thuật ngữ "Chứng thư chữ ký số" (Điều 3)

Theo Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, "Chứng thư số là một dạng chứng thư điện tử do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp nhằm cung cấp thông tin định danh điện tử cho khóa công khai của cơ quan, tổ chức, cá nhân, từ đó xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân là người ký chữ ký số bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng (khoản 7 Điều 3)". Theo Luật Giao dịch điện tử năm 2023, "Chứng thư chữ ký điện tử là thông điệp dữ liệu nhằm xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký điện tử. Chứng thư chữ ký điện tử đối với chữ ký số được gọi là chứng thư chữ ký số".

4. Quy định gửi, nhận hồ sơ yêu cầu chứng thực trên môi trường mạng, bảo đảm khách quan, minh bạch trong quản lý, triển khai (Điều 4)

Theo quy định tại Nghị định 130/2018/NĐ-CP, việc gửi, nhận hồ sơ yêu cầu chứng thực giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện qua nhiều phương thức khác nhau (văn bản giấy, hệ thống thông tin, Trục liên thông văn bản quốc gia); trong đó, tỷ lệ gửi văn bản giấy còn khá phổ biến (gần 50%), dẫn đến tình trạng không theo dõi được quy trình xử lý văn bản; mất nhiều thời gian, đòi hỏi nhiều nhân lực phục vụ hoạt động rà soát, kiểm tra, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật. Do đó, với quan điểm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động đăng ký, quản lý chữ ký số chuyên dùng công vụ, Nghị định quy định việc gửi, nhận hồ sơ yêu cầu chứng thực được thực hiện trên môi trường mạng nhằm bảo đảm khách quan, minh bạch trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện:

Điều 4. Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực, thiết bị lưu khóa bí mật

1. Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực giữa cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện bằng văn bản điện tử đã ký số theo quy định của pháp luật về công tác văn thư qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực hoặc Trục liên thông văn bản quốc gia.

5. Mở rộng giải pháp lưu khóa bí mật của thuê bao

Thời gian qua, việc lưu khóa bí mật của thuê bao chủ yếu sử dụng thiết bị PKI Token, SIM PKI, giải pháp này đảm bảo an toàn cao nhất, tuy nhiên trong giải pháp này công tác bảo đảm (sản xuất, gia hạn, thay đổi thông tin, thu hồi, hỗ trợ kỹ thuật) cần nhiều nguồn lực thực hiện. Trên cơ sở, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế của một số nước, trong đó giải pháp lưu khóa bí mật được phân loại theo đối tượng và mức độ quan trọng của giao dịch mà thuê bao sử dụng. Theo đó, Nghị định quy định theo hướng, nhóm các đối tượng và mức độ quan trọng của giao dịch ở mức cao (thuê bao là cơ quan, tổ chức; các chức danh nhà nước, cán bộ, công chức; các giao dịch liên quan đến tài chính, ngân sách) tiếp tục sử dụng thiết bị USB Token, SIM PKI để lưu khóa bí mật. Nhóm các đối tượng và mức độ quan trọng của giao dịch ở mức thấp hơn (giao dịch trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế và các giao dịch có tính chất tương đồng) sẽ sử dụng giải pháp ký số tập trung mà khóa bí mật của các thuê bao được lưu giữ tập trung sử dụng thiết bị HSM (Hardware Security Module).

6. Đơn giản hóa, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính

Theo quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, việc cấp chứng thư chữ ký số cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức xuất hiện hiện tượng: nhóm

đối tượng được cấp chứng thư chữ ký số thường xuyên có sự thay đổi, dẫn đến phải cấp đổi chứng thư chữ ký số; một thuê bao tại cùng một thời điểm được cấp nhiều chứng thư chữ ký số (hiện nay có trường hợp một thuê bao sử dụng 04 chứng thư chữ ký số đang hoạt động), dẫn đến tình trạng khó quản lý và gây bất tiện trong sử dụng. Do đó, Nghị định số 68/2024/NĐ-CP không quy định về việc cấp chứng thư chữ ký số cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức; các chức danh của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức sẽ do văn bản được ký số xác định, chỉ cần cấp chứng thư số cho cá nhân là đủ và phù hợp. Theo đó, khi bãi bỏ TTHC, chi phí tuân thủ TTHC này được cắt giảm 100%.

Nghị định số 68/2024/NĐ-CP bãi bỏ 04 thủ tục hành chính, gồm: Thủ tục cấp, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức và cắt giảm 06 mẫu văn bản hành chính so với quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

Hiện nay, 13 thủ tục hành chính nội bộ, 09 mẫu biểu văn bản hành chính có trong Nghị định đáp ứng các quy định hiện hành và đảm bảo đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, tối ưu hóa các trường thông tin bắt buộc để tạo thuận lợi cho các đối tượng khi tổ chức thực hiện mà vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý chặt chẽ các hoạt động liên quan đến chữ ký số chuyên dùng công vụ. Các TTHC nội bộ này đã được quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ và Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 01/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; tuy nhiên đã được rà soát, đánh giá, điều chỉnh, hoàn thiện nhằm đảm bảo thẩm quyền quy định TTHC theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện trên thực tế.

7. Rút ngắn tối đa quy trình cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ theo hướng cán bộ, công chức, viên chức không phải làm văn bản đề nghị cấp chứng thư chữ ký số cho cá nhân

Theo quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP (Chương VII) và Thông tư số 185/2019/TT-BQP, để được cung cấp chứng thư số, cá nhân phải có văn bản đề nghị cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật. Trong nhiều tình huống sẽ dẫn đến chậm thực hiện thủ tục (do phải chờ cá nhân có văn bản đề nghị), ảnh hưởng đến công việc chung của cơ quan, tổ chức. Trong khi đó, việc triển khai chữ ký số cá nhân tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cơ bản được thực hiện theo kế hoạch chuyên đổi số, ứng dụng chữ ký số của cơ quan, tổ chức; không xuất phát từ nhu cầu của cá nhân. Do đó, Nghị định được xây dựng theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các thủ tục, văn bản hành chính nhằm tạo thuận lợi cho các đối tượng khi tổ chức thực hiện.

8. Điều chỉnh, đơn giản hóa tối đa các trường thông tin bắt buộc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức khi đăng ký, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống nền tảng về định danh, xác thực điện tử đã được triển khai thời gian qua (cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...), Nghị định đã được rà soát, đơn giản hóa tối đa các trường thông tin bắt buộc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức khi đăng ký, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ; đồng thời đảm bảo quản lý chặt chẽ, hiệu quả.

9. Đẩy mạnh hoạt động phân cấp, ủy quyền cho các bộ, ban, ngành, địa phương chủ động trong tổ chức triển khai thực hiện (Điều 34)

Qua thực tiễn cho thấy, những năm trước đây do phạm vi, quy mô chưa lớn; một số yếu tố về kỹ thuật, nhân lực thực hiện của các bộ, ngành, địa phương chưa sẵn sàng; việc triển khai áp dụng văn bản điện tử có chữ ký số, cung cấp dịch vụ công còn hạn chế, do đó việc phân cấp, phân quyền chưa được quan tâm đẩy mạnh. Tại các cơ quan, đơn vị việc thay đổi vị trí công tác, thay đổi chức danh, chức vụ của các đối tượng tham gia hoạt động công vụ rất lớn. Điều này dẫn đến thông tin trong chứng thư chữ ký số của thuê bao bị thay đổi và khi đó sẽ phải thực hiện thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số để phù hợp, chính xác với vị trí công tác mới. Bên cạnh đó, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ có thời hạn sử dụng nhất định, khi sắp hết thời hạn, thuê bao thường có nhu cầu gia hạn thêm thời gian sử dụng để quá trình ký số được liên tục, thông suốt. Tuy nhiên, công tác này đang được thực hiện tập trung tại Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ và chưa được phân cấp, ủy quyền cho các bộ, ngành, địa phương chủ động thực hiện, gây nút thắt, mất thời gian, ảnh hưởng tới chất lượng cung cấp dịch vụ.

Bên cạnh đó, thời gian qua các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai hiệu quả chữ ký số chuyên dùng công vụ và có nhu cầu chủ động thực hiện cung cấp một số dịch vụ chứng thực cho thuê bao trong phạm vi quản lý, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP chỉ quy định thực hiện ủy quyền cho các bộ, ngành, địa phương trong cung cấp dịch vụ khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật. Dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý để thực hiện ủy quyền các dịch vụ chứng thực khác (*gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số*), đồng thời không tận dụng được nguồn lực tại các bộ, ngành, địa phương, hạn chế tính chủ động, kịp thời của các cơ quan, đơn vị.

Trong bối cảnh hiện nay, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Nghị định 68/2024/NĐ-CP đã bổ sung quy định về việc phân cấp, phân quyền cung cấp các dịch vụ gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho phù hợp với thực tiễn hiện nay (Điều 34).

Điều 34. Trách nhiệm triển khai, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức: Văn phòng Trung ương Đảng và các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; Kiểm toán nhà nước; cơ quan Trung ương của các đoàn thể; tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức khác theo quy định của cấp có thẩm quyền có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành quy định, quy chế về quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong phạm vi quản lý;

b) Định kỳ hằng năm, báo cáo tình hình công tác quản lý, triển khai, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; đồng thời xây dựng kế hoạch, nhu cầu sử dụng của năm tiếp theo cho thuê bao thuộc quyền quản lý theo hướng dẫn của Ban Cơ yếu Chính phủ;

c) Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các thuê bao trong quá trình triển khai, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thuộc phạm vi quản lý;

d) Chủ trì tổ chức tập huấn, huấn luyện triển khai, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các thuê bao thuộc phạm vi quản lý;

đ) Chủ trì, phối hợp với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện công tác hỗ trợ về đăng ký, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các thuê bao thuộc phạm vi quản lý; tổ chức thực hiện gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho các thuê bao thuộc phạm vi quản lý khi có nhu cầu.

2. Những người quy định tại khoản 1 Điều này có thể ủy quyền cho cơ quan chức năng trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này.

10. Bổ sung quy trình cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu và thẻ căn cước có gắn chip điện tử (Chương III)

Ban Cơ yếu Chính phủ đã phối hợp Bộ Công an và các cơ quan liên quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, quản lý, kiểm tra hộ chiếu và thẻ căn cước có gắn chip điện tử. Chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp đã được Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế ICAO công bố chứng thư số quốc gia về hộ chiếu điện tử của Việt Nam trên ICAO PKD; đã cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số phục vụ cấp, quản lý, kiểm tra khoảng trên 1,5 triệu hộ chiếu và trên 86 triệu thẻ căn cước có gắn chip điện tử.

Nghị định số 68/2024/NĐ-CP bổ sung quy định về cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu và thẻ căn cước có gắn chip điện tử với các nội dung chính sau:

- Quy định thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số, cụ thể:
 - + Thời hạn có hiệu lực của chứng thư số phục vụ ký phát hành Hộ chiếu có gắn chip điện tử, CSCA: 15 năm, khóa bí mật: 05 năm; DS: 10 năm, khóa bí mật: 03 tháng.
 - + Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số phục vụ kiểm tra Hộ chiếu có gắn chip điện tử: CVCA: 03 năm, khóa bí mật 03 năm; DVCA: 03 tháng, khóa bí mật: 03 tháng; IS: 01 tháng, khóa bí mật: 01 tháng.
- Quy định việc gửi nhận yêu cầu chứng thực giữ Cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh với các Tổ chức cơ yếu thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện qua phần mềm hệ thống quản trị vòng đời chứng thư chữ ký số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chip điện tử.
- Quy định trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng thư chữ ký số đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử 2023, Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (sửa đổi năm 2023); đồng thời đảm bảo tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế: Tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO); Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP); Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc; Hiệp định Thương mại tự do Asean – Úc/Niu Di-lân (AANXFTA); Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP).

11. Bổ sung một số mô hình, công nghệ ký số mới (giải pháp ký số tập trung) cho phù hợp với sự phát triển của thực tiễn

Nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của một số ngành, lĩnh vực; Ban Cơ yếu Chính phủ đã nghiên cứu đưa vào sử dụng giải pháp ký số tập trung, giải pháp ký số này không sử dụng thiết bị phần cứng (PKI Token, SIM PKI) trang bị cho cá nhân, khóa bí mật của các thuê bao được lưu giữ tập trung sử dụng thiết bị HSM (Hardware Security Module). Đây là công nghệ mới, chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật trước đây.

12. Quy định cụ thể các nội dung về sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (Chương IV)

Việc triển khai, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đúng mục đích, quy định là nội dung hết sức quan trọng, đảm bảo giá trị pháp lý của chữ ký số, giúp các cơ quan, đơn vị triển khai thống nhất, chất lượng, đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, kiểm tra, đánh giá sử dụng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, thời gian qua nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa biết cách sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số trên các giao dịch điện tử, chưa áp dụng đầy đủ, chính xác dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được cung cấp. Đặc biệt, nhiều thuê bao không biết cách tạo chữ ký số, không thực hiện kiểm tra, xác thực chữ ký số khi sử dụng văn bản điện tử trên các hệ thống thông tin. Tuy nhiên, Nghị định 130/2018/NĐ-CP đã quy định về việc sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số nhưng trên cơ sở nguyên tắc, chưa cụ thể, dẫn đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân lúng túng, khó khăn khi triển khai thực hiện.

Do đó, Nghị định số 68/2024/NĐ-CP đã bổ sung chi tiết quy trình tạo, kiểm tra chữ ký số; kiểm tra hiệu lực của chứng thư chữ ký số; kiểm tra đường dẫn chứng thực và thông tin kèm theo chữ ký số. Với những nội dung này, việc sử dụng chữ ký số được thực hiện chính xác, thống nhất, góp phần thúc đẩy việc áp dụng chữ ký số trong các hoạt động thực thi công vụ, nhiệm vụ; đồng thời đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, kiểm tra, đánh giá sử dụng.

13. Quy định trách nhiệm của Người đứng đầu các cơ quan Đảng, Nhà nước

Để công tác triển khai Nghị định được thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, Nghị định quy định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức: Văn phòng Trung ương Đảng và các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; Kiểm toán nhà nước; cơ quan Trung ương của các đoàn thể; tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành

phổ trực thuộc Trung ương trong việc quản lý, triển khai, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Đồng thời, Nghị định quy định Người đứng đầu các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có thể ủy quyền cho cơ quan chức năng trực thuộc để tổ chức triển khai thực hiện.

14. Quy định nội dung quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ (Điều 38)

Căn cứ khoản 4 Điều 50 Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện 10 nội dung quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ:

(1) Xây dựng, đề xuất chủ trương, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch và chính sách phát triển dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

(2) Chủ trì xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về chữ ký số chuyên dùng công vụ; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định của pháp luật;

(3) Quản lý công tác báo cáo, thống kê tình hình cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; quản lý việc giám sát an ninh, an toàn các hệ thống thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện;

(4) Quản lý dịch vụ cấp dấu thời gian, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

(5) Quản lý, tổ chức việc xây dựng, khai thác và phát triển hạ tầng chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; việc phát hành, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ;

(6) Chỉ đạo Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện liên thông với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia theo quy định của pháp luật;

(7) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về chữ ký số chuyên dùng công vụ;

(8) Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, chuyên gia trong lĩnh vực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

(9) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định của pháp luật;

(10) Hợp tác quốc tế về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

15. Tích hợp hồ sơ, hệ thống mẫu biểu của Thông tư số 185/2019/TT-BQP vào Nghị định

Trước đây, Nghị định số 130/2018/NĐ-CP đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật; tuy nhiên mẫu biểu, hồ sơ thực hiện được quy định tại Thông tư số 185/2019/TT-BQP, dẫn đến công tác triển khai còn khó khăn, thiếu đồng bộ. Do đó, Nghị định số 68/2024/NĐ-CP đã tích hợp hồ sơ, hệ thống mẫu biểu tại Thông tư số 185/2019/TT-BQP nhằm đảm bảo sự thuận lợi, đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

VI. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH

Ngày 16/8/2024, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Quyết định số 3581/QĐ-BQP ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ nhằm mục đích: (1) triển khai kịp thời, thống nhất, hiệu quả các quy định tại Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ; (2) nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong việc phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định số 68/2024/NĐ-CP và (3) nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ; hoạt động cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Ngày 21/8/2024, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ phê duyệt Quyết định số 665/QĐ-BCY ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 3581/QĐ-BQP ngày 16/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Nội dung triển khai tập trung vào 8 nhóm nhiệm vụ:

(1) Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền nội dung Nghị định số 68/2024/NĐ-CP;

(2) Xây dựng Thông tư quy định Danh mục tiêu chuẩn và các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc áp dụng đối với Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

(3) Rà soát, đề xuất bãi bỏ Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực số chuyên dùng Chính phủ; Quyết định số 1924/QĐ-BQP ngày 19/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực điện tử thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng. Rà soát, đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp, thống nhất với Nghị định số 68/2024/NĐ-CP;

(4) Quản lý, tổ chức việc xây dựng, khai thác và phát triển hạ tầng chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

(5) Cung cấp, hỗ trợ, hướng dẫn sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

(6) Nghiên cứu, phát triển ứng dụng về chữ ký số chuyên dùng công vụ;

(7) Thanh tra, kiểm tra đánh giá tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ tại các ban, bộ, ngành, địa phương;

(8) Hợp tác quốc tế, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

VII. KIẾN NGHỊ CÁC BAN, BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Để triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định của Nghị định số 68/2024/NĐ-CP, Ban Cơ yếu Chính phủ đề nghị các bộ, ban, ngành, địa phương quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

1. Các ban, bộ, ngành, địa phương

- Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai kịp thời, sâu rộng Nghị định số 68/2024/NĐ-CP của Chính phủ và các quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước nhằm giúp cho các sở, ban, ngành, UBND các cấp và các tổ chức, cá nhân liên quan nắm chắc, hiểu rõ và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Đảng, Nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ. Đồng thời nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, tổ chức chính trị - xã hội về vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy chế, quy định quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thuộc phạm vi quản lý để công tác triển khai thực hiện Nghị định số 68/2024/NĐ-CP được đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn, huấn luyện về quản lý, triển khai, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong phạm vi quản lý.

2. Các cơ quan, đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của các ban, bộ, ngành, địa phương

- Nghiên cứu kỹ các nội dung, quy định tại Nghị định số 68/2024/NĐ-CP và các quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước để tham mưu cho Lãnh đạo Đảng,

Nhà nước về công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện các nội dung, quy định của Nghị định số 68/2024/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Là đầu mối chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

- Tổng hợp, thống kê, báo cáo theo yêu cầu của Người đứng đầu các cơ quan Đảng, Nhà nước và cơ quan có thẩm quyền về tình hình triển khai, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

3. Cơ quan, đơn vị thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ

Giao Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin là đầu mối chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên toàn quốc triển khai, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định.

- Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 68/2024/NĐ-CP của Chính phủ và kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và hoàn thiện hệ thống pháp luật về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

“Sau hội nghị này, với trách nhiệm là cơ quan chủ trì, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ, Ban Cơ yếu Chính phủ mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, tham gia, đóng góp ý kiến tích cực từ các bộ, ban, ngành, địa phương, các chuyên gia, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan để Ban Cơ yếu Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách về cơ yếu và chữ ký số chuyên dùng công vụ”.

Xin trân trọng cảm ơn!